|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|

|  |
| --- |
| **BÁO GIẢNG TUẦN 33 (TỪ 29/4/2024 ĐẾN NGÀY 4/5/2024)**  |
| **THỨ** | **TIẾT** | **MÔN** | **TIẾT THỨ** | **NỘI DUNG BÀI DẠY** | **ƯDCNTT** | **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC** |
| **Hai****29/4** |  |  |  | Nghỉ - Thứ Bảy học bù |  |  |
| **Ba30/4** |  |  |  | Nghỉ lễ |  |  |
| **Tư1/5** |  |  |  | Nghỉ lễ |  |  |
| **Năm2/5** | **S** | 1 | **Tiếng Anh**  | 65 | Unit 19: Which place would you like to visit? (Lesson 3) |  |  |
| 2 | **Toán** | 161 | Luyện tập | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 3 | **Tập đọc** | 65 | Luật Bảo vệ, chăm sóc và GD trẻ em | Chiếu tranh | Máy tính, tivi. |
| 4 | **Chính tả** | 33 | (Nghe- viết) Trong lời mẹ hát | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| **C** | 5 | **Địa lí** | 65 | Ôn tập cuối năm | Chiếu tranh | Máy tính, tivi |
| 6 | **LTVC** | 65 | Mở rộng vốn từ: Trẻ em | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 7 | **Thể dục** | 65 | Ném bóng - Trò chơi: “Dẫn bóng” |   | Còi, sân tập, bóng. |
| 8 |   |  |  |   |  |
| **Sáu3/5** | **S** | 1 | **Toán** | 162 | Luyện tập  | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 2 | **Mĩ Thuật** | 33 | Chủ đề 12: Thử nghiệm và sáng tạo với các chất liệu (Tiết 3) |   |  |
| 3 | **Kể chuyện** | 33 | Kể chuyện đã nghe, đã đọc | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 4 | **Khoa học** | 65 | Tác động của con người đến môi trường rừng | Chiếu tranh | Máy tính, tivi |
| **C** | 5 |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |  |
| 8 |  |  |  |  |  |
| **Bảy****4/5** | **S** | 1 | **Toán** | 163 | Luyện tập  | Soi bài |  Máy tính, tivi, máy soi |
| 2 | **Toán** | 164 | Ôn tập về biểu đồ  | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
|  3 | **Tập đọc**  | 66 | Sang năm con lên bảy | Chiếu tranh | Máy tính, tivi. |
|  4 | **Đạo đức** | 33 | Phòng, tránh xâm hại | Chiếu tranh | Máy tính, tivi |
| **C** | 5 | **Khoa học** | 66 | Tác động của con người đến môi trường đất | Chiếu tranh | Máy tính, tivi |
| 6 | **Tiếng Anh**  | 66 | Unit 20: Which one is more exciting, life in the. City or life in the countryside? (Lesson 1) |  |  |
| 7 | **Thể dục** | 66 | Ném bóng - Trò chơi: “Dẫn bóng” |   | Còi, sân tập, bóng. |
| 8 |  |   |   |   |   |

  |

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY TUẦN 33**

**TUẦN 33 Thứ Hai ngày 29 tháng 4 năm 2024**

**Nghỉ - Thứ bảy học bù**

**Thứ Ba ngày 30 tháng 4 năm 2024**

**Nghỉ lễ**

**Thứ Tư ngày 1 tháng 5 năm 2024**

**Nghỉ lễ**

**Thứ Năm ngày 2 tháng 5 năm 2024**

**Tiết 2**  **TOÁN**

**Luyện tập**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng:** Giúp học sinh.

- Ôn tập củng cố kiến thức và kĩ năng giải toán có nội dung hình học

- Vận dụng làm đúng các bài tập

**2. Năng lực:** HS tích cực chủ động vận dụng kiến thức về giải toán có nội dung hình học vào làm tính và giải toán nhanh, chính xác.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Phấn màu,TV, MT, MS.

**2. Học sinh:** SGK, bảng con, nháp.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)- GV mở video - Nêu công thức tìm quãng đường, vận tốc, thời gian trong chuyển động đều?- Giới thiệu bài:**2. Luyện tập** (32 - 34)a. Bài 1- Bài hỏi gì?- GV chữa bài, nhận xét=> Muốn tìm được số tiền dùng để mua gạch lát nền em phải làm gì, làm thế nào?- Nêu cách tính diện tích hình chữ nhật?- Chốt kiến thức.b. Bài 2 (Dành cho HS tiếp thu nhanh)c. Bài 3/a,b- GV chấm, chữa, soi bài=> Nêu công thức quy tắc tính chu vi hình chữ nhật, diện tích hình tam giác, diện tích hình thang?- Chốt kiến thức.**3. Củng cố, dặn dò** (2 - 3’)- Em được ôn tập kiến thức gì qua bài học hôm nay?- Nêu cách tính chiều cao hình thang?- Nhận xét giờ học, chuẩn bị bài sau | - HS khởi động- HS nêu.- HS đọc bài- Tìm số tiền dùng để mua gạch- HS làm nháp, chữa miệng.- HS nêu- HS nêu- HS đọc bài, nêu yêu cầu- HS làm vở, chia sẻ\* Dự kiến tình huống chia sẻ của HS:+ Bạn có thể trình bày lại bài làm?+ Để làm bài này bạn đã vận dụng những kiến thức gì?- HS nêu- HS nêu- HS nêu- HS thực hiện |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 3** **TẬP ĐỌC**

**Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng:** Giúp học sinh.

- Đọc lưu loát bài, đọc đúng các từ mới các từ khó trong bài biết đọc bài với giọng thông báo rõ ràng, ngắt giọng làm rõ từng điều luật từng khoản mục.

- Hiểu biết Luật Bảo vệ chăm sóc và giáo giáo dục trẻ em, quy định bổn phận trẻ em đối với gia đình và với xã hội. Biết liên hệ những điều luật thực tế để có ý thức về quyền lợi và bổn phận của trẻ em, thực hiện Luật Bảo vệ và chăm sóc trẻ em.

**2. Năng lực:** Rèn cho HS mạnh dạn tự tin trình bày ý kiến rõ ràng, ngắn gọn trước lớp; biết phối hợp với bạn khi làm việc nhóm, biết lắng nghe bạn đọc và trả lời để cùng chia sẻ.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt ý thức về quyền lợi và nghĩa vụ của trẻ em, thực hiện đúng luật.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Tranh minh họa bài đọc trong SGK. TV, MT.

**2. Học sinh**: SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)- GV mở video - Gọi HS đọc bài “Những cánh buồm”- Nêu nội dung của bài?- Giới thiệu bài:**2. Bài mới**:a. Luyện đọc đúng: (10 -12’)+ Bài TĐ được chia làm mấy đoạn?- Đọc nối đoạn?\* Rèn đọc đoạn:- YC HS TLN trong thời gian 3’ tìm các từ khó, câu dài và các từ cần giải nghĩa. - Yêu cầu đại diện nhóm chia sẻ. - GV giúp đỡ - Đoạn 1: Điều 15+ Nêu cách đọc đúng đoạn 1?- Đoạn 2: Điều 16+ Câu 2: nghỉ hơi theo tiếng “học”, “lập”+ Nêu cách đọc đúng đoạn 2?- Đoạn 3: Điều 17+ Nêu cách đọc đúng đoạn 3?- Đoạn 4: Điều 21+ Nêu cách đọc đúng đoạn 4?\* Đọc nhóm đôi+ Nêu cách đọc đúng đoạn toàn bài?- Gọi HS đọc cả bài- GV đọc mẫu lần 1b. Tìm hiểu bài: (10 - 12’)- Những điều luật nào trong bài nêu lên quyền trẻ em Việt Nam?- Đặt tên cho những điều luật đó?=> GV tổng kết- Điều luật nào nói về bổn phận của trẻ em?- Nêu những bổn phận trẻ em được quy định trong luật?- Em đã thực hiện những bổn phận gì, còn những bổn phận gì cần cố gắng thực hiện?=> Nêu nội dung chính của bài?c. Luyện đọc diễn cảm: (10 - 12’)- Yêu cầu đại diện nhóm nêu ý kiến.\* Đoạn 1: Nêu cách đọc DC đoạn 1?\* Đoạn 2: Nêu cách đọc DC đoạn 2?\* Đoạn 3: Nêu cách đọc DC đoạn 3?\* Đoạn 4: Nêu cách đọc DC đoạn 4?-Nêu cách đọc diễn cảm toàn bài?- GV đọc mẫu lần 2.- Gọi HS đọc bài.- GV nhận xét, tư vấn cho 1 số HS.**3. Củng cố**, **dặn dò**:(2 - 4’)- Nêu lại nội dung chính của các điều luật?- GV nhận xét giờ học, chuẩn bị bài sau: Sang năm con lên bảy. | - HS khởi động- HS đọc- HS nêu- 1 HS đọc to, lớp đọc thầm chia đoạn. - 4 đoạn- 4 HS đọc nối tiếp 4 điều luật- HS TLN đôi 3 phút, tìm câu khó và những từ cần hiểu nghĩa trong bài.- Các nhóm nêu kết quả thảo luận.+ GN: Quyền, chăm sóc sức khoẻ ban đầu, công lập. 1HS đọc SGK- Đọc rõ ràng lưu loát ngắt nghỉ đúng dấu câu.- HS luyện đọc đoạn 1 theo dãy- Câu 2 dài. 1 HS đọc câu- Đọc trôi chảy lưu loát toàn đoạn.- HS luyện đọc đoạn 2 theo dãy- Đọc trôi chảy lưu loát toàn đoạn.- HS luyện đọc đoạn 3 theo dãy+ GN: Bản sắc .1 HS.- Đọc trôi chảy ngắt nghỉ hơi đúng.- HS luyện đọc đoạn 4 theo dãy\* HS đọc thầm nhóm đôi (1’)- Đọc lưu loát ngắt nghỉ đúng dấu câu.- 1- 2 HS đọc cả bài- HS đọc thầm đoạn 1, 2- Điều 15, 16, 17- Điều 15: Quyền trẻ em được chăm sóc bảo vệ sức khoẻ.+ Điều 16: Quyền học tập của trẻ em+ Điều 17: Quyền vui chơi giải trí của trẻ em- HS đọc thầm đoạn 4- Điều 21.- Gồm 5 bổn phận của trẻ em được quy định trong điều 21.- HS nêu- HS nêu- HS thảo luận nhóm đôi tìm cách đọc diễn cảm từng đoạn (2’)\* Dự kiến tình huống trả lời của HS:- Đọc giọng thông báo rõ ràng rành mạch, nhấn giọng ở các từ: Có quyền được chăm sóc, được bảo vệ sức khoẻ, được khám bệnh.- HS luyện đọc đoạn 1 theo dãy- Đọc giọng thông báo rõ ràng rành mạch. - HS luyện đọc đoạn 2 theo dãy- Đọc lưu loát nhấn giọng ở các từ: “Quyền vui chơi”- HS luyện đọc đoạn 3 theo dãy- Đọc giọng thông báo rõ ràng ngắt giọng rõ từng khoản mục.- HS luyện đọc đoạn 4 theo dãy- Toàn bài đọc rõ ràng trôi chảy từng khoản mục.- HS đọc cá nhân theo đoạn (4 em)- HS đọc đoạn mình thích (1- 2 em)- HS đọc cả bài. (3- 4 em) |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………..

**Tiết 4 CHÍNH TẢ (NGHE- VIẾT)**

**Trong lời mẹ hát**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng:** Giúp học sinh.

- Nghe - viết đúng chính tả, trình bày đẹp bài thơ: Trong lời mẹ hát

- Tiếp tục luyện tập cách viết hoa trên cơ quan tổ chức

**2. Năng lực:** Rèn cho HS tính cẩn thận khi đặt bút, có ý thức viết đúng chính tả.

**3. Phẩm chất:** Giáo dục HS yêu quý ông bà, cha mẹ và những người thân trong gia đình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Phấn màu, TV, MT, MS.

**2. Học sinh**: bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động, kết nối** (3 - 5’)- GV mở video- Viết: Ghép liền, sống lư­ng- Nhận xét bài viết tiết tr­ước.- Giới thiệu bài:**2. Hình thành kiến thức**:***a. H­ướng dẫn chính tả****: (8- 10’)*- GV đọc mẫu lần 1.- Nêu nội dung của bài?- Trong bài có từ nào khó viết?- GV viết từ khó yêu cầu HS phân tích: chòng chành, dải, nôn nao, lời ru- Gọi HS phân tích từ khó + GV lưu ý những chỗ có vấn đề chính tả để HS ghi nhớ+ Các từ, tiếng còn lại tương tự- GV đọc cho HS viết từ khó.- Bài viết thuộc thể loại nào?- Nêu cách trình bày bài?***b. Viết chính tả:*** *(14 - 16’)*- GV hướng dẫn tư­ thế ngồi viết- Đọc cho HS viết bài***c. Chấm, chữa:*** *(3 - 5’)*- GV đọc bài cho HS soát lỗi từng bài- GV chấm 8- 10 bài, nhận xét. Soi bài. ***d. Hướng dẫn làm BT chính tả*** *(7- 9’)*\* Bài 2- Giải nghĩa 1số từ khó - Đoạn văn nói về điều gì?- GV chấm, chữa bài. Soi bài.=>Nêu quy tắc viết hoa tên các cơ quan, tổ chức đơn vị?**3. Củng cố**, **dặn dò**: (1- 2’)- Cách viết hoa tên các cơ quan, đơn vị ?- GV nhận xét giờ học, chuẩn bị bài sau.  | - HS khởi động- HS viết bảng con.- HS lắng nghe.- Ca ngợi lời hát ru của mẹ, có ý nghĩa quan trọng đối với cuộc đời đứa trẻ.- HS TLN đôi (2’): tìm từ khó viết.\* Dự kiến HS tìm được các từ khó:chòng chành, dải, nôn nao, lời ru- HS đọc và phân tích từ khó, phân tích các tiếng có âm đầu là tổ hợp chữ cái.+ Chòng = ch + ong + thanh huyền + HS phân tích các tiếng còn lại theo yêu cầu của GV.- HS viết bảng con- HS nêu- HS nêu - HS sửa lại t­ư thế ngồi- HS viết bài- HS soát bài, soát lỗi, ghi số lỗi, chữa lỗi.- Đổi vở cho bạn để kiểm tra- HS đọc yêu cầu- HS nghe- Công ước về quyền trẻ em- HS làm vở bài tập, chữa bài.- HS nêu- HS nêu |

 ***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 5** **ĐỊA LÍ**

**Ôn tập**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng:** Giúp học sinh.

- Ôn tập củng cố những kiến thức cơ bản về tự nhiên và xã hội của các châu lục và đại d­ương trên thế giới.

- Xác định và chỉ đúng vị trí của các châu lục và đại dư­ơng trên bản đồ thế giới

**2. Năng lực:** HS mạnh dạn, tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày ý kiến; tích cực hoạt động và hợp tác với bạn trong nhóm.

**3. Phẩm chất:** Giáo dục lòng yêu quê hương đất nước.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Quả Địa cầu. Bản đồ TG, TV, MT, MS.

**2. Học sinh**: SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động, kết nối** (3- 5’)- GV mở video- Hãy kể tên các châu lục và các đại dương trên thế giới- GV nhận xét. Giới thiệu bài:**2. Ôn tập:** (28- 30’)- GV chia HS nhóm, yêu cầu đọc BT2a (MH)- GV tổ chức cho HS trình bày.- GV nhận xét, sửa chữa và bổ sung để hoàn thành, soi bài. | - HS khởi động- Vài HS trả lời.- HS làm theo nhóm.- HS làm bài- HS khác nhận xét- bổ sung. |
| BT 2b

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Châu Á | Châu Âu | Châu Phi |
| - Vị trí (thuộc bán cầu nào). | Bán cầu Bắc | Bán cầu Bắc | Nằm giữa hai chí tuyến |
| - Thiên nhiên (đặc điểm nổi bật). | Có đù các đới khí hậu | Có đới khí hậu ôn hòa. | Châu phi có khí hậu nóng và khô nhất thế giới |
| - Dân cư. | Có số dân đông nhất thế giới, da vàng | Dân cư chủ yếu là người da trắng. | Hơn 1/3 số dân là người da đen. |
| - HĐ kinh tế: |  |  |  |
| + Một số sản phẩm công nghiệp | Máy móc | Máy bay, ôtô, thiết bị, hàng điện tử, len dạ, dược phẩm, mĩ phẩm | Khai thác khoáng sản  |
| + Một số sản phẩm nông nghiệp | Lúa gạo, lúa mì, bông, cao su, cây ăn quả….và chăn nuôi trâu bò. | Lúa mì, khoai tây, củ cải đường, bò | Ca cao, cà phê, bông, lạc |

BT 2c

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Châu Mĩ | Châu Đại Dương | Châu Nam Cực |
| -Vị trí | Bán cầu tây | Bán cầu nam | Bán cầu nam |
| - Thiên nhiên (đặc điểm nổi bật). | Đa dạng và phong phú | Có khí hậu khô hạn | Là châu lục lạnh nhất thế giới |
| - Dân cư. | Phần lớn là người nhập cư từ các châu lục khác đến | Da màu sẩm, mắt đen ,tóc xoăn. | Không có dân cư |
| - HĐ kinh tế: |  |  |  |
| + Một số sản phẩm công nghiệp | Điện tử hàng không vũ trụ | Năng lượng, khoáng sản, luyện kim máy móc |  |
| + Một số sản phẩm nông nghiệp | Lúa mì, bông, lợn sữa, cam, nho. | Lông cừu thịt bò và sữa |  |

 |
| **3. Củng cố, dặn dò** (2- 3’)- Hôm nay lớp chúng ta học bài gì ?- Tuyên dương những em học tốt và tích cực phát biểu xây dựng bài....- Động viên, khuyến khích HS học tốt, tích cực, tập trung vào bài. - GV dặn HS về nhà ôn tập để chuẩn bị kiểm tra cuối năm.  | - Ôn tập - HS lắng nghe- HS nghe- HS thực hiện |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 6** **LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**Mở rộng vốn từ: Trẻ em**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng:** Giúp học sinh.

- Mở rộng, hệ thống hoá vốn từ về trẻ em, biết 1 số thành ngữ tục ngữ nói về trẻ em.

- Biết sử dụng các từ các thành ngữ đã học để đặt câu, chuyển các từ ngữ đó vào vốn từ tích cực.

**2. Năng lực:** Rèn cho HS mạnh dạn, tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày ý kiến. Biết vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập; tự giải quyết vấn đề nhanh gọn và khoa học, đúng với yêu cầu đề bài.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt. Có ý thức thực hiện nghĩa vụ của trẻ em.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** TV, MT, MS.

**2. Học sinh:** SGK, nháp

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)- GV mở video - Đặt 1 câu có sử dụng dấu hai chấm? Nêu tác dụng của dấu hai chấm đó?- Giới thiệu bài:**2. Luyện tập**: (32 - 34’)\* Bài 1- GV chữa bài, chốt lời giải đúng.- Em hiểu ý nghĩa của từ trẻ em là thế nào?- Chốt kiến thức\* Bài 2: - GV chữa bài, nhận xét, soi bài.- Những từ đồng nghĩa với từ “Trẻ em”?(GV có thể giải thích thêm nghĩa,sắc thái khác nhau của 1 số từ này).- Đặt câu với 1 số từ mà em tìm được?=> Khi đặt câu cần lưu ý ý nghĩa của câu phải phù hợp với sắc thái cuả từ đó.- Chốt kiến thức\* Bài 3- GV chấm, chữa, soi bài, nhận xét+ Nêu những hình ảnh so sánh đẹp về trẻ em?+ GV có thể giải thích 1 số trường hợp- Chốt kiến thức\* Bài 4- GV lưu ý HS đọc kĩ nghĩa, sau đó tìm câu thành ngữ, tục ngữ phù hợp với nghĩa đó để điền vào.- GV có thể nêu các thành ngữ nếu HS không nêu được- Gọi HS đọc thuộc các câu thành ngữ- Chốt kiến thức**3. Củng cố**, **dặn dò**: (2 - 4’)- Đọc 1 số thành ngữ, tục ngữ nói về “Trẻ em”?- GV nhận xét giờ học, chuẩn bị bài sau. | - HS khởi động- HS nêu- HS đọc bài, nêu yêu cầu- HS làm vở bài tập, chữa miệng- Ý c. Người dưới 16 tuổi được coi là trẻ em- HS đọc bài, nêu yêu cầu- HS làm vở bài tập, chữa miệng- Trẻ, trẻ con, con trẻ, trẻ thơ, thiếu niên, nhi đồng, con nít...- HS làm vở bài tập- HS đọc yêu cầu- HS làm vở, chữa miệng+ Trẻ em như tờ giấy trắng+ Trẻ em như nụ hoa mới nở+ Trẻ em là tương lai của đất nước- HS đọc bài, nêu yêu cầu- HS làm vở, chữa miệnga. Tre già măng mọcb. Trẻ người non dạc. Tre non dễ uốnd. Trẻ nên ba cả nhà học nói- HS đọc- HS nêu- HS thực hiện |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 7** **THỂ DỤC**

**Ném bóng - Trò chơi: Dẫn bóng**

 **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

 **1. Kiến thức**, **kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Ném bóng. YC thực hiện cơ bản đúng động tác và nâng cao thành tích.

- Chơi trò chơi: Dẫn bóng***.*** Yêu cầu biết cách chơi và tham gia chơi tương đối chủ động, tích cực.

**2. Năng lực**: Rèn luyện năng lực hoạt động độc lập, hợp tác trong nhóm, mạnh dạn, tự tin trước tập thể.

**3. Phẩm chất**: HS có ý thức tập luyện TDTT để rèn luyện sức khỏe.

**II. ĐỊA ĐIỂM - PHƯƠNG TIỆN:**

- Địa điểm: Trên sân trư­ờng. Vệ sinh nơi tập

- Phư­ơng tiện: Còi, mỗi tổ 3- 5 quả bóng rổ số 5, chuẩn bị bảng rổ, kẻ sân để tổ chức trò chơi và ném bóng.

**III. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nội dung và phương pháp | Định lượng | Đội hình đội ngũ |
| **1. Phần mở đầu**- Lớp tr­ưởng tập hợp lớp điểm số báo cáo- GV phổ biến nhiệm vụ, yêu cầu bài học.- Cho HS chạy chậm theo đội hình tự nhiên quanh sân tập sau đó xoay các khớp cổ chân, cổ tay, khớp gối.+ Ôn các động tác của bài thể dục phát triển chung.**2. Phần cơ bản**:a. Ném bóng: Đứng ném bóng vào rổ bằng hai tay trước ngực.- GV nêu tên động tác- GV thực hiện mẫu, GV phân tích ĐT**.**- HS tập theo ĐH 2 hàng dọc lần lượt 02 HS vào thực hiệnb. Chơi trò chơi:Dẫn bóng.- GV nêu tên trò chơi và quy định chơi.- Cho HS tham gia chơi thử.- Cho HS chơi chính thức- GV quan sát nhận xét, biểu dương tổ chơi nhiệt tình đúng luật**3. Phần kết thúc**:- Cho HS chạy chậm, hít thở sâu tích cực.- Nhận xét, đánh giá kết quả bài học.- Về nhà ném bóng trúng đích. | 6 - 10’14 - 16’4 - 6’ | 🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹 🚹🚹 🚹🚹 🚹🚹 🚹CB🚹 🚹 Ném Rổ🚹GVlop4-tcdbong🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹 |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………..

**Thứ Sáu ngày 3 tháng 5 năm 2024**

**Tiết 1**   **TOÁN**

**Luyện tập**

 **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

 **1. Kiến thức kĩ năng:** Giúp học sinh.

 - Củng cố kiến thức kĩ năng giải toán chuyển động đều.

 - Vận dụng làm đúng các bài tập

 **2. Năng lực:** HS tích cực chủ động vận dụng kiến thức về giải toán chuyển động đều vào làm tính và giải toán nhanh, chính xác, cách trình bày gọn gàng, khoa học.

 **3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

 **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

 **1. Giáo viên**: Bảng phụ, phấn màu, TV, MT.

 **2. Học sinh:** Nháp, bảng con.

 **III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)- GV mở video - Giải bài toán theo tóm tắt sau:- Mua 5 quyển vở: 20000 đồng 25 quyển vở: ? tiền- GV chữa bài, nhận xét- Em làm bài này theo cách nào?- Giới thiệu bài:**2.** **Luyện tập** (32 - 34’)a. Bài 1- GV chữa bài, nhận xét- Nêu cách làm phần a, b?=> Nêu cách tính vận tốc, quãng đường, thời gian trong chuyển động đều?b. Bài 2:- GV chữa bài, nhận xét- Em làm thế nào để tìm được ô tô đến nơi trước xe máy 1,5 giờ?=> Nêu cách tìm thời gian trong chuyển động đều?c. Bài 3 (Dành cho HS tiếp thu nhanh)**3. Củng cố, dặn dò** (2- 3’)- Em được ôn tập kiến thức gì qua bài học hôm nay?- Nhận xét giờ học, chuẩn bị bài sau: | - HS khởi động- HS làm nháp.- HS nêu.- HS đọc bài, nêu yêu cầu.- HS làm nháp, nêu cách làm - HS nêu.- HS đọc bài, nêu yêu cầu.- HS làm vở , chữa miệng.- HS nêu.- HS nêu - HS nêu.- HS thực hiện |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………..

**Tiết 3** **KỂ CHUYỆN**

**Kể chuyện đã nghe, đã đọc**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng:** Giúp học sinh.

\* Rèn luyện kĩ năng nói

- Biết kể tự nhiên bằng lời kể của mình một câu chuyện đã nghe đã đọc nói về gia đình, nhà trường chăm sóc giáo dục trẻ em, hoặc trẻ em thực hiện bổn phận với gia đình nhà trường và xã hội.

- Hiểu câu chuyện, trao đổi với các bạn ý nghĩa nội dung của câu chuyện.

\* Rèn luyện kĩ năng nghe

- Nghe lời bạn kể nhận xét đúng lời kể của bạn

**2. Năng lực:** Mạnh dạn, tự tin khi trình bày ý kiến và kể chuyện; tích cực hoạt động nhóm và biết tham gia nhận xét, đánh giá bạn.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt. GD cú ý thức thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** TV, MT.

**2. Học sinh:** SGK

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động kết nối** (3 - 5’).- GV mở video- Giới thiệu bài:**2. Hình thành kiến thức*****a. Tìm hiểu yêu cầu của đề bài****: (6 - 8’)*- GV đưa đề bài/ SGK (MH)- Cho HS phân tích đề, GV gạch chân từ trọng tâm (GV gạch chân các từ trọng tâm:chuyện đã nghe ,đã đọc chăm sóc, bảo vệ, công tác xã hội).- Những hành động nào, hoạt động nào thể hiện sự chăm sóc bảo vệ thiếu nhi của gia đình nhà trường và xã hội?- Những công tác xã hội nào thiếu nhi thường tham gia?- Những câu chuyện thế nào thì hợp với yêu cầu của đề?- Tìm những câu truyện đó ở đâu?- Khi kể chuyện, kể theo trình tự nào?- Hãy nêu tên câu chuyện mình định kể?- Khi kể chuyện phải kể theo trình tự nào?***b. Học sinh kể chuyện:*** *(22 - 24’)*- Cho HS kể nhóm đôi+ GV bao quát chung, đến từng nhóm giúp đỡ HS - Gọi HS kể cá nhân, nhận xét nội dung chuyện, lời kể.***c. Tìm hiểu nội dung ý nghĩa:*** *(3 - 5’)*(Lồng vào mục b sau mỗi câu chuyện)- Cho HS trao đổi nội dung ý nghĩa của từng câu chuyện?- Cho HS NX bạn có câu chuyện hay nhất. GV nhận xét tuyên dương một số em kể hay?**3. Củng cố**, **dặn dò**: (2 - 4’)- Theo em trẻ em có những bổn phận gì với gia đình, nhà trường và xã hội?- GV nhận xét giờ học, chuẩn bị bài sau: | - HS khởi động- HS đọc lại đề bài- HS phân tích đề- HS đọc gợi ý 1 / SGK- HS đọc gợi ý 2/ SGK- HS đọc gợi ý 3/SGK- HS nêu.- HS nêu.- HS kể nhóm đôi kể xong trao đổi với bạn về nội dung, ý nghĩa câu chuyện - HS kể cá nhân- HS kể chuyện đặt câu hỏi cho cả lớp (ngược lại)+ Ý nghĩa của câu chuyện là gì?+ Cảm nhận của bạn về việc làm đó?- HS nhận xét- HS nêu- HS thực hiện |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

………………………………………………………………………………………………….

**Tiết 4** **KHOA HỌC**

**Tác động của con người đến môi trường rừng**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng:** Giúp học sinh.

- Nêu những nguyên nhân dẫn đến rừng bị tàn phá.

- Nêu tác hại của việc phá rừng

 **2. Năng lực:** Rèn luyện năng lực hoạt động độc lập, hợp tác trong nhóm, mạnh dạn, tự tin trước tập thể.

 **3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu quý, thích tìm hiểu về môi trường.

 **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Hình vẽ trong SGK trang 134, 135/SGK, tư liệu, thông tin về con số rừng ở địa phương bị tàn phá và tác hại của việc phá rừng.

 **III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò  |
| **1. Khởi động, kết nối** (3 - 5’)- GV mở video+ Con người và nhận và thải ra môi trường những gì? Em cần làm gì để BVMT?- Nhận xét. Giới thiệu bài**2. Hình thành kiến thức*****HĐ 1: Quan sát tranh:*** *(8- 10’)*- Yêu cầu các nhóm quan sát các hình trang 134/ SGK và thực hiện các yêu cầu:+ Trình bày nội dung từng tranh+ Em hãy cho biết con người khai thác gỗ và phá rừng để làm gì?+ Còn nguyên nhân nào khiến rừng bị tàn phá?- GV kết luận: Có nhiều lí do khiến rừng bị tàn phá: đốt rừng làm nương rẫy, chặt cây lấy gỗ, đóng đồ dùng gia đình, để lấy đất làm nhà, làm đường,…***HĐ 2: Thảo luận và liên hệ thực tế:*** *(18- 20’)*- Yêu cầu HS thảo luận về:+ Hậu quả của việc phá rừng.+ Liên hệ đến thực tế ở địa phương bạn (khí hậu, thời tiết có gì thay đổi, thiên tai,…).- GV kết luận: Hậu quả của việc phá rừng:+ Khí hậu thay đổi, lũ lụt, hạn hán thường xuyên.+ Đất bị xói mòn.+ Động vật và thực vật giảm dần có thể bị diệt vong.**4. Củng cố- dặn dò**: (2- 3’)- Yêu cầu HS vẽ và trưng bày các tranh ảnh về nạn phá rừng và hậu quả của nó.- Nhận xét tiết học.- Chuẩn bị: “Tác động của con người đến môi trường đất”. | - HS khởi động- 2 HS trả lời- Lớp nhận xét- Nhóm quan sát các tranh SGK trang 134, thảo luận nội dung, ý nghĩa từng tranh kết hợp trả lời các câu hỏi- Đại diện mỗi nhóm trình bày nội dung 1 tranh+ Hình 1: Con người phá rừng lấy đất canh tác, trồng các cây lương thực, cây ăn quả hoặc các cây công nghiệp.+ Hình 2: Phá rừng lấy gỗ để xây nhà, đóng đồ đạc hoặc dùng vào nhiều việc khác.+ Hình 3: Phá rừng để lấy chất đốt.+ Hình 4: Rừng còn bị tàn phá do những vụ cháy rừng.- HS thảo luận nhóm đôi- Đại diện HS trình bày.- Lớp nhận xét, bổ sung.- HS thực hiện- HS thực hiện |

 ***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

……………………………………………………………………………………....……………...

**Thứ bảy ngày 4 tháng 5 năm 2024**

**Tiết 1** **TOÁN**

**Luyện tập**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng:** Giúp học sinh.

- Ôn tập củng cố kiến thức và kĩ năng giải toán có nội dung hình học

- Vận dụng làm đúng các bài tập

**2. Năng lực:** HS tích cực chủ động vận dụng kiến thức về giải toán có nội dung hình học vào làm tính và giải toán nhanh, chính xác.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Phấn màu,TV, MT.

**2. Học sinh:** SGK, bảng con, nháp.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)- GV mở video - Nêu công thức tìm quãng đường, vận tốc, thời gian trong chuyển động đều?- Giới thiệu bài:**2. Luyện tập** (32 - 34)a. Bài 1- Bài hỏi gì?- GV chữa bài, nhận xét=> Muốn tìm được số tiền dùng để mua gạch lát nền em phải làm gì, làm thế nào?- Nêu cách tính diện tích hình chữ nhật?b. Bài 2 (Dành cho HS tiếp thu nhanh)c. Bài 3/a,b- GV chấm, chữa bài=> Nêu công thức quy tắc tính chu vi hình chữ nhật, diện tích hình tam giác, diện tích hình thang?**3. Củng cố, dặn dò** (2 - 3’)- Em được ôn tập kiến thức gì qua bài học hôm nay?- Nêu cách tính chiều cao hình thang?- Nhận xét giờ học, chuẩn bị bài sau | - HS khởi động- HS nêu.- HS đọc bài- Tìm số tiền dùng để mua gạch- HS làm nháp, chữa miệng.- HS nêu- HS nêu- HS đọc bài, nêu yêu cầu- HS làm vở, chia sẻ\* Dự kiến tình huống chia sẻ của HS:+ Bạn có thể trình bày lại bài làm?+ Để làm bài này bạn đã vận dụng những kiến thức gì?- HS nêu- HS nêu- HS nêu- HS thực hiện |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 2** **TOÁN**

**Ôn tập về biểu đồ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng:** Giúp học sinh.

- Củng cố kĩ năng đọc số liệu trên biểu đồ, bổ sung tư liệu trong 1 bảng thống kê số liệu.

- Vận dụng làm đúng các bài tập

**2. Năng lực:** HS tích cực chủ động vận dụng kiến thức về biểu đồ vào làm tính và giải toán nhanh, chính xác.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC**

**1. Giáo viên:** Phấn màu,TV, MT, MS. Bài giảng ĐT.

**2. Học sinh:** SGK, bảng con, nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động, kết nối** (3 - 5’)- GV mở video- Nêu cách tìm chiều cao, tổng 2 đáy của hình thang?- Giới thiệu bài:**2. Luyện tập** (32 - 34’)a. Bài 1- GV chữa bài, nhận xét.=> Nêu cách đọc các số liệu trên biểu đồ hình cột?b. Bài 2/a- GV chấm, chữa bài- Nêu cách làm bài của em và giải thích vì sao?- Biểu đồ em hoàn thành ở phần b là biểu đồ gì?=> Nêu tác dụng của biểu đồ hình cột?c. Bài 3:- GV chấm, chữa bài=> Vì sao em chọn đáp án c: 25 HS là đáp án đúng?\* Dự kiến sai lầm: Bài 3 HS chưa biết suy luận, loại trừ nên còn chọn sai đáp án**3.** **Củng cố, dặn dò:** (2 - 3’)- Nhận xét giờ học. | - HS khởi động- HS nêu- HS đọc bài, nêu yêu cầu- HS trả lời các câu hỏi/ SGK- HS nêu- HS đọc bài, nêu yêu cầu.- HS làm nháp, chữa miệng- HS nêu- Biểu đồ hình cột- HS nêu.- HS đọc bài, nêu yêu cầu- HS làm nháp, chữa miệng.- HS nêu- HS thực hiện |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………

**Tiết 3 TẬP ĐỌC**

**Sang năm con lên bảy**

 ***Vũ Đình Minh***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng:** Giúp học sinh.

- Đọc lưu loát toàn bài, đọc diễn cảm các từ khó trong bài, nghỉ hơi đúng nhịp thơ.

- Hiểu ý nghĩa của bài: Điều người cha muốn nói với con : “khi lớn lên từ giã thế giới tuổi thơ con sẽ có một cuộc sống thật sự do chính bàn tay con tạo nên”

- Học thuộc lòng bài thơ.

**2. Năng lực:** Rèn cho HS mạnh dạn, tự tin, trình bày ý kiến rõ ràng, ngắn gọn trước lớp, biết phối hợp với bạn khi làm việc trong nhóm, biết lắng nghe bạn đọc và trả lời để cùng chia sẻ và nhận xét bạn đọc.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt. GD có những ước mơ, khát vọng tốt đẹp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** TV, MT. Tranh minh họa bài đọc trong SGK

**2. Học sinh:** SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động, kết nối** (3 - 5’)- GV mở video- Đọc bài: Luật Bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em- Giới thiệu bài:**2. Hình thành kiến thức*****a. Luyện đọc đúng:*** *(10 - 12’)*\* Đọc nối đoạn?\* Rèn đọc đoạn:- Hãy TLN 2 tìm các từ khó, câu dài và các từ cần giải nghĩa nhé. - Yêu cầu đại diện nhóm chia sẻ. - GV giúp đỡ HS Đoạn 1: khổ thơ 1+ Nêu cách đọc đúng đoạn 1?Đoạn 2: Khổ 2+ Nêu cách đọc đúng đoạn 2?Đoạn 3: Khổ 3+ Nêu cách đọc đúng đoạn 3?\* Đọc nhóm đôi- Nêu cách đọc đúng đoạn toàn bài?- Gọi HS đọc bài- GV đọc mẫu lần 1***b. Tìm hiểu bài:*** *(10- 12’)*- Những câu thơ nào cho thấy thế giới tuổi thơ rất vui và đẹp?=> GV chốt- Thế giới tuổi thơ thay đổi như thế nào khi ta lớn lên?=> GV chốt- Giã từ tuổi thơ con người tìm thấy hạnh phúc ở đâu?- Bài thơ muốn nói với các em điều gì?***c. Đọc diễn cảm:*** *(10 - 12’)*- Yêu cầu đại diện nhóm nêu ý kiến.\* Đoạn 1: Nêu cách đọc DC đoạn 1?\* Đoạn 2: Nêu cách đọc DC đoạn 2?\* Đoạn 3: Nêu cách đọc DC đoạn 3?-Nêu cách đọc diễn cảm toàn bài?- GV đọc mẫu cả bài- Gọi HS đọc bài.- GV nhận xét, tư vấn cho 1 số HS.**3. Củng cố**, **dặn dò**: (2 - 4’)- Nêu nội dung chính của bài?- GV nhận xét giờ học, chuẩn bị bài sau: Lớp học trên đường. | - HS khởi động- HS đọc- 1 HS đọc to, lớp đọc thầm cho thuộc, tập chia đoạn (3 đoạn: Mỗi khổ thơ là 1 đoạn)- 3 HS đọc nối đoạn- HS thảo luận nhóm đôi trong thời gian 3 phút, tìm các câu khó và những từ cần hiểu nghĩa trong bài.- Các nhóm nêu kết quả thảo luận- Đọc đúng thể thơ 5 chữ- HS luyện đọc đoạn 1 theo dãy- Câu đầu đọc nhịp 2/3 các câu còn lại đọc liền các tiếng- HS luyện đọc đoạn 2 theo dãy- Đọc đúng thể thơ 5 chữ: Đọc liền giữa các tiếng.- HS luyện đọc đoạn 3 theo dãy\* HS đọc thầm nhóm đôi (1’)- Toàn bài đọc đúng các nhịp thơ.- 1- 2 HS đọc cả bài- HS đọc thầm đoạn 1, 2- Giờ con đang lon ton... tiếng muôn loài với con- Chim không còn biết nói, gió không còn biết thổi , cây chỉ còn là cây. Bao điều bay đi mất,chỉ còn trong đời thật- Ở trong đời thật con người phải giành lấy hạnh phúc 1 cách khó khăn bằng chính hai bàn tay, không dễ dàng như hạnh phúc có được trong truyện thần thoại cổ tích, nhờ sự giúp đỡ của Bụt, tiên- Thế giới của trẻ thơ rất vui và đẹp vì đó là thế giới của truyện cổ tích khi lớn lên dù phải từ biệt thế giới cổ tích đẹp đẽ và thơ mộng ấy nhưng ta sẽ sống 1cuộc sống hạnh phúc thật sự do chính 2 bàn tay ta xây dựng nên- HS thảo luận nhóm đôi tìm cách đọc diễn cảm từng đoạn (2’)\* Dự kiến tình huống trả lời của HS:- Đọc giọng vui tươi đầm ấm ở câu đầu, các câu còn lại đọc giọng nhẹ nhàng, nhấn gịong ở từ: Lon ton, chạy nhảy, nghe thấy.- HS luyện đọc đoạn 1 theo dãy- Đọc giọng nhẹ nhàng tự hào phù hợp với việc diễn tả tâm sự của cha với con- HS luyện đọc đoạn 2 theo dãy- Đọc giọng nhẹ nhàng- HS luyện đọc đoạn 3 theo dãy- Toàn bài đọc giọng nhẹ nhàng, tự hào phù hợp với mỗi đoạn thơ- HS đọc cá nhân theo đoạn (3 em)- HS đọc thuộc lòng cả bài (4-5 em)- HS nêu- HS thực hiện |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 4** **ĐẠO ĐỨC**

**Phòng tránh bị xâm hại (T.2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT
 1. Kiến thức, kĩ năng**:

- Nêu được một số quy tắc an toàn cá nhân để phòng tránh bị xâm hại; các biểu hiện của trẻ em bị xâm hại; hậu quả của việc xâm hại trẻ em

- Nhận biết được nguy cơ khi bản thân có thể bi xâm hại.

- Biết cách phòng tránh và ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại; Một số qui định của pháp luật về phòng tránh xâm hại trẻ em.
 **2. Năng lực**: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác

**3. Phẩm chất**: nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.
 **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- TV, MT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)- GV mở video - Giới thiệu bài:**2. Hình thành kiến thức*****HĐ1: Thảo luận*** *(8- 10’)*\* Mục tiêu: Mọi hành động nào có chủ ý gây tổn thương hoặc nguy hại đến trẻ đều là hành vi xâm hại trẻ em.\* Cách tiến hành:Bước 1: Tổ chức và hướng dẫn- GV YC HS TLN đôi tìm các hình thức có thể dẫn đến nguy cơ bị xâm hại- Tình trạng xâm hại tình dục trẻ em ở Việt Nam diễn biến như thế nào?- Mỗi năm Việt Nam xảy ra 2.000 vụ bạo hành và xâm hại trẻ em, trong đó 1.500 vụ liên quan đến xâm hại tình dục.\* Kết luận: để phòng tránh bị xâm hại cần…***HĐ2: Thảo luận*** *(8- 10’)*\* Mục tiêu: Đạt MT2\* Cách tiến hành: - GV nêu: 1. Hành vi nào sau đây được gọi là xâm hại tình dục?A. Chạm vào vùng mặc đồ tắmB. Cho, tặng quàC. Rủ đi chơi2. Đường dây nóng khi có nguy cơ bị xâm hại?A. 113,115B. 111, 115C. 111 và 180015673. Làm thế nào để tự bảo vệ bản thân tránh khỏi nguy cơ bị xâm hại?A. La hét, gọi người thânB. Chạy nhanh khỏi kẻ lạC. Thực hiện quy tắc 5 vòng tròn.4. Khi đi thang máy chỉ có một mình và một người khác nếu cảm thấy bị nguy hiểm em cần làm gì?A. Bước nhanh ra ngoài chờ chuyến sau.B. Gọi điện sẵn cho người thânC. La hét thật to nếu người đó đến gần.\* Kết luận: ***HĐ3: Ứng phó với nguy cơ bị xâm hại*** *(8- 10’)*\* Mục tiêu: Đạt MT3\* Cách tiến hành:Bước 1: Giao nhiệm vụ cho các nhóm \* TL các quy tắc phòng chống nguy cơ bị xâm hại\* Gọi HS trình bày- GV đưa lên MH- Không đi một mình ở nơi tối tăm, vắng vẻ.- Không ở trong phòng kín một mình với người lạ. Nếu đó là người quen của gia đình thì cửa phòng phải luôn được mở.- Không nhận tiền, quà hoặc nhận sự giúp đỡ đặc biệt của người khác mà không rõ lý do.- Không đi nhờ xe người lạ, hoặc sử dụng ăn uống của người lạ đưa .- Không để cho người lạ đến gần đến mức họ có thể chạm tay vào người mình.- Không để người lạ vào nhà, nhất là khi trong nhà chỉ có một mình.- Không nói chuyện điện thọai với người lạ khi đang ở nhà một mình.- Không cho ai có quyền tùy tiện động chạm, sờ mó vào chỗ kín của cơ thể hoặc bất kỳ hành động thô lỗ nào với các em.- Không ăn mặc hở hang, không gần gũi quá mức với người lạ, kể cả những người thân họ hàng (trừ bố mẹ, ông bà, anh chị em ruột của mình)  .- Tin vào linh tính của bản thân khi thấy điều gì không bình thường cần cảnh giác và chủ động nghĩ cách phòng tránh để thoát ra khỏi tình huống đó.Bước 2: Làm việc cả lớp- Gọi ĐD nhóm trình bày\* Kết luận: Cần ứng phó kịp thời, phù hợp khi có nguy cơ bị xâm hại…**3.** **Củng cố dặn dò** (1-2’)- Nhận xét tiết học.  | - HS khởi động - Thực hiện thử theo yêu cầu- Học sinh TLN- Nêu. Nhận xét.+ Xâm hại thể chất;+ Xâm hại tình dục;+ Xâm hại tinh thần;+ Xâm hại xao nhãng.- H nêu- Trao đổi cặp đôi - Đại diện nhóm trình bày - Nhận xét, bổ sungĐáp ánA.Đáp ánC.Đáp ánC.Đáp ánA.- HS TLN- HS đại diện nhóm trình bày. HS đọc- HS thực hiện |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 5** **KHOA HỌC**

**Tác động của con người đến môi trường đất**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng:** Giúp học sinh.

- Hiểu và nêu được một số nguyên nhân dẫn tới việc đất trồng ngày càng thu hẹp.

- Phân tích được những nguyên nhân dẫn đến đất trồng ngày càng bị thoái hoá

**2. Năng lực:** Rèn luyện năng lực hoạt động độc lập, hợp tác trong nhóm, mạnh dạn, tự tin trước tập thể.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu quý, thích tìm hiểu về môi trường.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV**:TV, MT. Tranh

- Các tư liệu, thông tin về sự gia tăng dân số ở địa phương và các mục đích sử dụng đất trồng trước kia và hiện nay.

**2. HS**: SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy  | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động, kết nối** (3 - 5’)- GV mở video+ Nguyên nhân nào khiến rừng bị tàn phá?+ Việc phá rừng có tác hại gì cho môi trường?- Nhận xét. Giới thiệu bài.**2. Hình thành kiến thức** ***HĐ 1: Quan sát và thảo luận*** *(14-15’)*\* Mục tiêu: ý 1- Mục I\* Cách tiến hành: Thảo luận- Chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm quan sát hình 1 và 2/136 SGK để thảo luận các câu hỏi sau: (MH)**+** Hình 1 và 2 cho biết con người sử dụng đất trồng vào việc gì? **+** Nguyên nhân nào dẫn đến sự thay đổi nhu cầu sử dụng đó? - Yêu cầu lần lượt từng nhóm nêu KQ.- Nhận xét, chốt lại ý đúng.\* KL: GDBVMT : Nguyên nhân chính dẫn đến diện tích đất trồng ngày càng bị thu hẹp là do dân số tăng nhanh, con người cần nhiều diện tích đất ở hơn. Ngoài ra, khoa học kĩ thuật phát triển, đời sống con người nâng cao cũng cần diện tích đất vào những việc khác như thành lập các khu vui chơi giải trí, phát triển công nghiệp, giao thông.***HĐ 2: Thảo luận*** *(14 - 15’)*\* Mục tiêu: ý 2- Mục I\* Cách tiến hành: Thảo luận- Chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm quan sát hình 3, 4 trang 137 SGK và tham khảo các thông tin để thảo luận câu hỏi:**-** Nêu tác hại của việc sử dụng phân bón hoá học, thuốc trừ sâu, … đến môi trường đất.**-** Nêu tác hại của rác thải đối với môi trường đất.- Yêu cầu các nhóm trình bày kết quả.\* KL: GDBVMT:Có nhiều nguyên nhân làm cho đất trồng ngày càng bị thu hẹp và suy thoái: Dân số gia tăng, nhu cầu lương thực tăng, đất trồng thu hẹp; dân số tăng, lượng rác thải, việc xử lí rác thải không hợp vệ sinh gây ô nhiễm môi trường đất.- GV cho HS xem một số tranh minh họa về Nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi nhu cầu sử dụng đất.- YC đọc mục Bạn cần biết/135 SGK**3. Củng cố dặn dò** (2 - 3’)+ Nguyên nhân nào dẫn đến môi trường đất bị thu hẹp?+ Nguyên nhân nào dẫn đến môi trường đất bị suy thoái?- Ở địa phương chúng ta hiện nay môi trường đất cũng bị thu hẹp do sự gia tăng dân số nhu cầu nhà ở tăng, làm đường đi, trường học ... để phục vụ cho nhu cầu đời sống sinh hoạt nhân dân- Nhận xét tiết học.- Chuẩn bị bài Tác động của con người đến môi trường không khí và nước. | - HS khởi động- HS nêu- Nhóm trưởng điều khiển nhóm hoạt động theo yêu cầu:+ Hình 1 và 2: là trên cùng một địa điểm. Trước kia con người sử dụng đất để trồng trọt. Xung quanh có rất nhiều cây cối. Hiện nay, diện tích đất trồng trọt hai bên sông ngày đã được sử dụng làm đất ở, khu công nghiệp, chợ...+ Là dân số ngày càng gia tăng, đô thị hoá ngày càng mở rộng nên nhu cầu về nhà ở tăng lên, do vậy diện tích đất trồng bị thu hẹp. - Đại diện nhóm trình bày kết quả. - Nhận xét, bổ sung.- Nhóm trưởng điều khiển nhóm hoạt động.- Đại diện nhóm trình bày kết quả.- Nhận xét, bổ sung.- HS nêu- HS trình bày. NX- HS xem tranh- HS đọc- HS nêu- HS nêu- HS lắng nghe.- HS thực hiện. |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 7** **THỂ DỤC**

 **Ném bóng - Trò chơi: Dẫn bóng**

 **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

 **1. Kiến thức**, **kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Ném bóng. YC thực hiện cơ bản đúng động tác và nâng cao thành tích.

- Chơi trò chơi: Dẫn bóng***.*** Yêu cầu biết cách chơi và tham gia chơi tương đối chủ động, tích cực.

**2. Năng lực**: Rèn luyện năng lực hoạt động độc lập, hợp tác trong nhóm, mạnh dạn, tự tin trước tập thể.

**3. Phẩm chất**: HS có ý thức tập luyện TDTT để rèn luyện sức khỏe.

**II. ĐỊA ĐIỂM - PHƯƠNG TIỆN:**

- Địa điểm: Trên sân trư­ờng. Vệ sinh nơi tập

- Phư­ơng tiện: Còi, mỗi tổ 3- 5 quả bóng rổ số 5, chuẩn bị bảng rổ, kẻ sân để tổ chức trò chơi và ném bóng.

**III. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nội dung và phương pháp | Định lượng | Đội hình đội ngũ |
| **1. Phần mở đầu**:- Lớp trưởng tập hợp lớp, điểm số báo cáo- GV phổ biến NV, yêu cầu bài học.- Lớp chạy chậm theo đội hình tự nhiên quanh sân tập 120-150m sau đó xoay các khớp cổ chân, cổ tay, khớp gối. - Ôn các động tác của bài thể dục phát triển chung.**2. Phần cơ bản**:a. Ném bóng: Đứng ném bóng vào rổ bằng một tay trên vai.- GV nêu tên động tác- GV thực hiện mẫu, GV phân tích ĐT**.**  - HS tập theo ĐH 2 hàng dọc lần lượt 02 HS vào thực hiệnb. Chơi trò chơi:Dẫn bóng.- GV nêu tên trò chơi và quy định chơi.- Cho HS tham gia chơi thử.- Cho HS chơi chính thức- GV quan sát nhận xét, biểu dương tổ chơi nhiệt tình đúng luật**3. Phần kết thúc**:- Cho HS chạy chậm, hít thở sâu tích cực.- Nhận xét, đánh giá kết quả bài học.- Về nhà ném bóng trúng đích. | 6 - 10’14 - 16’4 - 6’ | 🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹**lop5-nemro1tay**lop4-tcdbong🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹 |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_